TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST Ngày 23-4-2024 V/v Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Bà Huỳnh Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1984; Thường trú: Số M đường M, tổ B, thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số H đường H tổ B, thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị T, anh Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần Văn Th tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 06 tháng thì sống cùng nhau, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2013, quyển số 01/2013 ngày 19/6/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà số H đường H, tổ B, thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khi có con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế, vấn đề nuôi con riêng của cả hai người. Tháng 6/2023, chị T về nhà cha mẹ ruột

sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung. Hiện nay, con đang sống cùng với anh Th.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 13/4/2013. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2024, bị đơn anh Trần Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, anh Th và chị Mai Thị T chung sống với nhau, đến tháng 6/2013, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, trong quá trình chung sống có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Lý do để chị T nộp đơn ly hôn thì anh Th không rõ, nhưng anh có nhận thấy tình cảm của chị T thay đổi. Đến tháng 4/2023, chị T về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó, chị T cũng ít về thăm con. Anh Th đã nhiều lần đến nhà mẹ chị T để khuyên chị quay về nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T có nguyện vọng ly hôn thì anh Th đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 13/4/2013. Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2013, anh Th, chị T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Th, chị T đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng không còn yêu thương nhau, từ tháng 06 năm 2023, chị T về nhà cha mẹ ruột để sinh sống cho đến nay, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của anh Th, chị T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Th cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần

Văn S, sinh ngày 13/4/2013. Chị T, anh Th không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét là phù hợp. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Trần Văn Th tìm hiểu nhau thời gian khoảng 06 tháng thì về sống chung với nhau, đến tháng 6/2023 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2013, quyển số 01/2013 ngày 19/6/2013, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của chị T và anh Th, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Tháng 6/2023, chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm nhau và không cùng nhau chăm sóc con chung. Hiện nay con đang sống cùng với anh Th. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Th đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Th là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 13/4/2013. Chị T, anh Th không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Mai Thị T đối với anh Trần Văn Th. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T đối với anh Trần Văn Th về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Th.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 13/4/2013. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004250 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Mai Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung